

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ
tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 136/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 154/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết
một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tiếp công dân;*

*Căn cứ Thông tư số 320/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy
định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn
khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số
65/2026/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 336/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng đối với
người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản
ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng đối
với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị,
phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ
tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp
công dân, địa điểm tiếp công dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gồm:

a) Trụ sở tiếp công dân tỉnh; địa điểm tiếp công dân của các cơ quan
chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan trực thuộc cơ quan chuyên
môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ
quốc Việt Nam tỉnh;

- b) Địa điểm tiếp công dân cấp xã;
- c) Địa điểm tiếp công dân của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác cơ yếu thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công trực tiếp giúp việc cho hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

c) Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; người làm công tác cơ yếu; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

d) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác cơ yếu được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi bồi dưỡng

1. Các đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề theo quy định hiện hành, khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được bồi dưỡng 200.000 đồng/ngày/người; trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề theo quy định hiện hành thì được bồi dưỡng 150.000 đồng/ngày/người.

2. Các đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được bồi dưỡng 100.000 đồng/ngày/người.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết và nội dung sau hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được quyết định áp dụng tại số thứ tự 16 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về áp dụng các nghị quyết quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Nội dung tại khoản 1, khoản 2 mục IV của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Tuy